TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 122/2018/DS-PT
Ngày: 27-11-2018
V/v "Tranh chấp đòi lại tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu.
Các Thẩm phán: Ông Đoàn Ngọc Thiện.
Ông Trương Văn Tâm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thùy Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Nguyễn Hồ Điệp - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2018/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2018 về việc "*Tranh chấp đòi lại tài sản*".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 118/2018/QĐXXPT-DS ngày 17 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2018/QĐPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trọng T, sinh năm 1959; địa chỉ: Số nhà A đường T, tổ A, khu phố Đ, phường H, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1980 và bà Phạm Thị L, sinh năm 1984; cùng hộ khẩu thường trú: Tổ B, khu phố A, phường T, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; chỗ ở: Tổ B, khu phố S, phường H, thành phố Ra, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (ông Đ có mặt, bà L vắng mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị H, sinh năm 1967; địa chỉ: Số nhà A đường T, tổ A, khu phố Đ, phường H, thành phố R, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

4. Người kháng cáo: Bị đơn ông Lê Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm,nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Thái Hoàng trình bày:

Ngày 09/5/2013, ông Nguyễn Trọng T cho ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị L vay 01 lượng vàng; ngày 20/8/2013, ông T cho ông Đ, bà L vay tiếp 03 lượng vàng; ngày 24/8/2013 ông T cho ông Đ, bà L vay 06 lượng vàng. Cùng ngày 24/8/2013, ông T, ông Đ và bà L lập "Giấy cho vay vàng" có nội dung là ông T cho ông Đ và bà L vay 10 lượng vàng, thời hạn vay là 04 tháng tính từ ngày 24/8/2013 đến ngày 24/12/2013; lãi suất 1.000.000 đồng/01tháng/01 lượng vàng.

Mục đích ông Đ, bà L vay vàng của ông T để mua nhà đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa.

Do đến hạn, ông Đ và bà L không trả được nợ nên ông Đ, bà L gặp ông T để thỏa thuận biện pháp bảo đảm cho việc trả nợ. ông T, ông Đ và bà L lập "Giấy nhượng quyền" ngày 10/01/2016 với nội dung: ông Đ, bà L vay vàng của ông T để mua nhà đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa nhưng chưa nhận được nhà đất nên khi nào bán được nhà đất này mà dưới 300.000.000 đồng thì ông T được nhận toàn bộ số tiền và ông Đ, bà L hết nợ ông T. Nếu bán nhà đất này mà số tiền thu được từ 300.000.000 đồng trở lên thì số dư trên 300.000.000 đồng là ông Đ, bà L được hưởng nhưng với điều kiện là bán trong thời hạn 06 tháng. Nếu sau 06 tháng kể từ ngày viết giấy nhượng quyền này mới bán được nhà đất thì toàn bộ tiền bán nhà đất do ông T hưởng.

Ngày 09/3/2017, ông Đ đã nhận được khoản tiền 1.261.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa theo quyết định của Bản án số 04/2016/DSST ngày 03/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa do hợp đồng mà ông Đ, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa bị hủy nên bà N và ông Q phải trả tiền cho ông Đ. Trong số tiền 1.261.000.000 đồng thì phần của riêng ông Đ, bà L là 420.000.000 đồng. Số tiền này ông Đ nhận thì ông Đ phải trả lại cho ông T toàn bộ theo cam kết ghi trong "Giấy nhượng quyền" lập ngày 10/01/2016 nhưng ông Đ, bà L chỉ trả cho ông T 200.000.000 đồng nên ông Đ, bà L còn phải trả tiếp cho ông T 220.000.000đồng và tiền lãi suất do chậm thanh toán. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện; ông T chỉ yêu cầu ông Đ, bà L trả cho ông T 200.000.000 đồng và không tính lãi suất.

2. *Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị L trình bày:*

ông Đ và bà L vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Tại Biên bản hòa giải 24/4/2018, ông Đ và bà L trình bày ý kiến nhưng không ký vào Biên bản hòa giải. Nội dung Biên bản hòa giải lập ngày 24/4/2018 như sau: Vào ngày 24/8/2013, ông

Đ và bà L có vay của ông T 10 lượng vàng 9999 và có lập hợp đồng vay vàng như ông T trình bày. ông Đ mượn vàng của ông T để làm công trình xây dựng. Do làm ăn khó khăn nên ngày 10/01/2016, ông Đ, bà L có viết "Giấy nhượng quyền" với nội dung: ông Đ, bà L vay vàng của ông T để mua nhà đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa nhưng chưa nhận được nhà đất nên khi nào bán được nhà đất này mà dưới 300.000.000 đồng thì ông T được nhận toàn bộ tiền và ông Đ, bà L hết nợ ông T. Nếu bán nhà đất này mà số tiền thu được từ 300.000.000 đồng trở lên thì số dư trên 300.000.000 đồng là ông Đ, bà L được hưởng, với điều kiện là bán trong thời hạn 06 tháng. Nếu sau 06 tháng kể từ ngày viết giấy nhượng quyền này mới bán được nhà đất thì toàn bộ tiền bán nhà đất do ông T hưởng. Ngày 09/3/2017, ông Đ đã nhận được khoản tiền 1.261.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2016/DSST ngày 03/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa do hợp đồng mà ông Đ, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa bị hủy nên bà N và ông Q phải trả tiền cho ông Đ. Trong số tiền 1.261.000.000 đồng mà ông Đ nhận được thì phải chia 04 phần mỗi phần là 315.250.000 đồng gồm: ông Đ, ông Trần K (không nhớ chính xác họ tên, địa chỉ), bà Nguyễn Thị Kim L1 ở Đất Đỏ và một người nữa thì ông Đ không biết tên.

ông Đ đã trả cho ông T 200.000.000 đồng còn nợ lại 220.000.000đồng như ông T trình bày thì ông Đ đồng ý nhưng hoàn cảnh hiện tại của ông Đ quá khó khăn nên không đồng ý trả nợ cho ông T.

Bà L cũng đồng ý như lời trình bày của ông Đ.

Tại Biên bản ghi lời khai ngày 23/4/2018, ông Đ trình bày: Ông Đ thừa nhận có vay ông T 10 lượng vàng 9999 theo Giấy vay vàng lập ngày 24/8/2013. Giá vàng vào thời điểm vay là 37.000.000 đồng/1 lượng, thành tiền là 370.000.000 đồng và tiền lãi 30.000.000 đồng; tổng cộng là 400.000.000 đồng. Ông Đ đã trả cho ông T khoảng 400.000.000đồng nhưng không nhớ trả vào thời gian nào và mỗi lần trả là bao nhiêu vì quan hệ giữa ông Đ với ông T quá thân thiết. Ông Đ coi ông T như là cha nên việc trả tiền không làm giấy tờ gì.

Giấy nhượng quyền lập ngày 10/01/2016 là do ông T ép vợ chồng ông Đ ký chứ vợ chồng ông Đ không chuyển nhượng nhà đất cho ông T. Nhà đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa do 03 người góp tiền để nhận chuyển nhượng nên số tiền mà ông Đ nhận được phải chia làm 4 phần vì bà Lý đã dùng sổ đỏ để thế chấp cho người thứ 4. Tuy nhiên, ông Đ thừa nhận còn nợ ông T 220.000.000đồng và tiền lãi suất nhưng ông Đ sẽ trình bày hoàn cảnh với ông T để xin ông T không phải trả khoản nợ này.

Tại Biên bản lấy lời khai của bà Phạm Thị L lập ngày 10/4/2018, bà L không ký nhưng có viết "Ý kiến của tôi nhưng tôi không đồng ý ký tên". Nội dung lời khai của bà L là đồng ý với trình bày của ông Đ về việc vay vàng và cùng ông Đ ký giấy nhượng quyền ngày 10/01/2016. bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T vì bà L nghe ông Đ nói là ông Đ đã trả cho ông T 400.000.000 đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày:

Bà H là vợ của ông T. Bà H xác nhận khoản tiền mà ông T khởi kiện yêu cầu ông Đ và bà L phải trả cho ông T là tài sản riêng của ông T nên bà H không có yêu cầu gì trong vụ án.

4. Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa đã tuyên như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trọng T về việc "Tranh chấp đòi lại tài sản" đối với ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị L.

Buộc ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị L phải trả cho ông Nguyễn Trọng T 200.000.000đồng.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Nguyễn Trọng T về việc yêu cầu ông Đ, bà L phải trả cho ông T 20.000.000 đồng và tiền lãi suất 9%/năm kể từ ngày 17/02/2017 đến ngày 16/10/2017 là 12.300.000 đồng do ông T rút yêu cầu.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và thời hạn kháng cáo.

5. Ngày 10 tháng 9 năm 2018, ông Lê Văn Đ nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Ông Đ không chấp nhận trả cho ông T 200.000.000 đồng vì ông Đ không có khả năng chi trả và ông Đ đã trả cho ông T 400.000.000 đồng là bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Trọng T là nguyên đơn thừa nhận là ông Đ đã trả cho ông T 410.000.000đồng. ông T và ông Đ thỏa thuận là ông Đ trả tiếp cho ông T 70.000.000 đồng. ông T và ông Đ xác nhận là bà L không liên quan gì đến việc ông Đ vay 10 lượng vàng của ông T.

7. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: ông T và ông Đ xác định là bà L không liên quan đến việc ông T cho ông Đ vay 10 lượng vàng nên bà L không có trách nhiệm trả nợ cho ông T. Ông T và ông Đ thỏa thuận là ông Đ trả tiếp cho ông T 70.000.000 đồng. Việc thỏa thuận của ông T và ông Đ là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm để công nhận sự thỏa thuận của ông T và ông Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Lê Văn Đ nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự và ông Đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ.

[2]. Ông Nguyễn Trọng T có mặt và chấm dứt việc ủy quyền với ông Nguyễn Thái Hoàng. bà L, bà H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng nên phiên tòa xét xử vắng mặt ông H, bà L, bà H là phù hợp với Điều 228 và Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3]. Ông Lê Văn Đ và bà Phạm Thị L đều thừa nhận vay của ông Nguyễn Trọng T 10 lượng vàng 9999 theo "Giấy vay vàng" lập ngày 24/8/2013 có chữ ký của ông Đ, bà L và ông T. Thời hạn vay là 04 tháng và lãi suất là 1.000.000 đồng/01 lượng vàng/tháng. Quá thời hạn nhưng ông Đ, bà L không trả cho ông T cả nợ lãi và gốc. ông T, ông Đ và bà L lập "Giấy nhượng quyền" ngày 10/01/2016 với nội dung: ông Đ, bà L vay vàng của ông T để mua nhà đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa nhưng chưa nhận được nhà đất nên khi nào bán được nhà đất này mà dưới 300.000.000 đồng thì ông T được nhận toàn bộ và ông Đ, bà L hết nợ ông T. Nếu bán nhà đất này mà số tiền thu được từ 300.000.000 đồng trở lên thì số dư do ông Đ, bà L được hưởng nhưng với điều kiện là bán trong thời hạn 06 tháng. Nếu sau 06 tháng kể từ ngày viết giấy nhượng quyền này mới bán được nhà đất thì toàn bộ tiền bán nhà đất do ông T hưởng. Như vậy, kể từ ngày 10/01/2016 thì quyền đòi nợ vàng của ông T đối với ông Đ, bà L được chuyển thành quyền của ông T được nhận từ giá trị đất nhà tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa mà ông Đ, bà L nhận chuyển nhượng.

[4]. Ngày 09/3/2017, ông Đ đã nhận được khoản tiền 1.261.000.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa theo quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2016/DSST ngày 03/02/2016 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa do hợp đồng mà ông Đ, bà L nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 04 (mới 05) và thửa 119 (mới 12), cùng Tờ bản đồ 08 (mới 04) phường Phước Nguyên, thành phố Bà Rịa bị hủy nên bà N và ông Q phải trả tiền cho ông Đ. Tổng số tiền này lẽ ra ông Đ phải trả cho ông T theo thỏa thuận tại giấy nhượng quyền ngày 10/01/2016 nhưng ông Đ cho rằng tổng số tiền này chia cho 04 phần trong đó gồm 03 người góp vốn nhận chuyển nhượng và 01 người nhận cầm cố nên mỗi phần chỉ được nhận 315.250.000 đồng. Trong số 03 người mà ông Đ cho rằng cùng bỏ tiền ra để nhận chuyển nhượng nhà đất này thì ông Đ chỉ biết rõ họ tên, địa chỉ của 01 người là không hợp lý vì ông Đ là người đứng tên nhận chuyển nhượng nhà đất, nhận vốn góp và trả tiền cho những người này. Ông Đông, bà L không đưa ra chứng cứ gì để chứng minh là có 04 người được nhận tiền từ tổng số tiền mà ông Đ đã nhận. Tuy nhiên, ông T chấp nhận là trong tổng số tiền 1.261.000.000 đồng thì ông Đ phải trả cho 02 người khác cùng góp vốn nên thực tế ông Đ chỉ được nhận 420.000.000 đồng. Ý kiến này của ông T là do ông T tự nguyện và có lợi cho ông Đ, bà L nên xác định số tiền ông Đ đã nhận từ nhà đất nhận chuyển nhượng là 420.000.000 đồng.

[5]. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T và ông Đ thỏa thuận là ông Đ vay 10 lượng vàng của ông T để bổ sung vốn cho việc ông Đ nhận thầu xây dựng chứ không liên quan gì đến bà L. Ông T và ông Đ còn xác định số tiền mà ông Đ đã

trả cho ông T là 410.000.000 đồng. ông Đ và ông T thỏa thuận là ông Đ trả tiếp cho ông T 70.000.000 đồng là ông Đ không còn nợ ông T đối với 10 lượng vàng mà ông Đ vay của ông T theo "Giấy vay vàng" lập ngày 24/8/2013.

[6]. Từ những phân tích, nhận định trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lê Văn Đ. Sửa một phần Quyết định của Bản án sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa. Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trọng T và ông Lê Văn Đ với nội dung là ông Đ thanh toán cho ông T 70.000.000 đồng.

[7]. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đ thỏa thuận chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

[8]. Án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự thỏa thuận được với nhau tại phiên tòa phúc thẩm nên ông Đ là người kháng cáo phải nộp án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 308, khoản 2 Điều 148, Điều 147, Điều 296, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Sửa một phần Quyết định của Bản án sơ thẩm số 33/2018/DSST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Nguyễn Trọng T và ông Lê Văn Đ là ông Lê Văn Đ phải trả cho ông Nguyễn Trọng T 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng). Bà Phạm Thị L không liên quan đến số tiền mà ông Đ phải trả cho ông T.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 648 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Công nhận sự thỏa thuận giữa ông Lê Văn Đ và ông Nguyễn Trọng T là ông Đ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Hoàn trả cho ông Nguyễn Trọng T số tiền tạm ứng án phí 5.830.000 đồng (Năm triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng) mà ông T đã nộp theo Biên lai thu số TU/2016/0007503 ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông Đ đã nộp theo Biên lai thu số TU/2017/0004894 ngày 14 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS thành phố Bà Rịa;
- TAND thành phố Bà Rịa;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Minh Châu